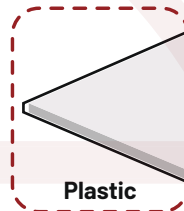
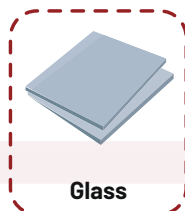
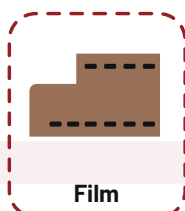
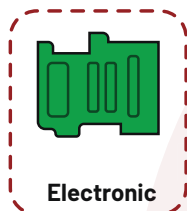


FEATURE OF PRODUCT (TÍNH NĂNG SẢN PHẨM)

- ✓ Vacuum pads for the electronics and semiconductor industries.
- ✓ Using for where adsorption marks must not left on workpieces.
- ✓ Small-size for semiconductor parts.
- ✓ Nắm hút chân không cho công nghiệp điện tử và chất bán dẫn.
- ✓ Phù hợp với các vị trí yêu cầu không để lại vết trên phôi.
- ✓ Cỡ nhỏ cho các linh kiện bán dẫn.



APPLICATION (ỨNG DỤNG)



HOW TO ORDER (CÁCH ĐẶT MÃ)

Principle :

SUFFIX - TYPE/SIZE - ADAPTER - MATERIAL/RESISTANCE/MARK-FREE/COLOR - DN

	(1)		(2)		(3)		(4)		(5)
Example	6	-	FG20	-	X10	-	SE		- 1`

(1) SUFFIX

(2) FG: Loại cơ bản (Standard type)

Size (Cỡ nắm) : Ø10, Ø15, Ø20, Ø25, Ø30.. (Diameter mm)

(3) Adaptor:

X - Cylinder type

T - Barb-Cylinder type

XO - Cylinder Oval type

P - Pillar type

Y - Cone type

K - Lock ring type

Z - Screw type

KV - Anchor-Lock ring type

V - Anchor type

KO - Oval-Lock type

Adaptor size: Ø1, Ø2, Ø3, Ø4, Ø5, Ø6, Ø7, Ø8, Ø9, Ø10, Ø11, Ø12, Ø13, Ø14, Ø15, Ø16, Ø17, Ø18, Ø19, Ø20.

(4) Material (Vật liệu):

N: NBR

U: Urethan rubber

N49/N69: Conductive NBR

F: FKM Fluoroelastomer

S: silicone

HN: HNBR

SE: Conductive Silicone

SMF: Silicone Mark-Free (Coating Teflon Thickness 0.2mm)

Colour:

G: Grey

W: White

None: Black

- Special material can be produced by custom specification.
- Vật liệu đặc biệt có thể được sản xuất theo yêu cầu riêng của khách hàng.

Resistance (Độ tĩnh điện)

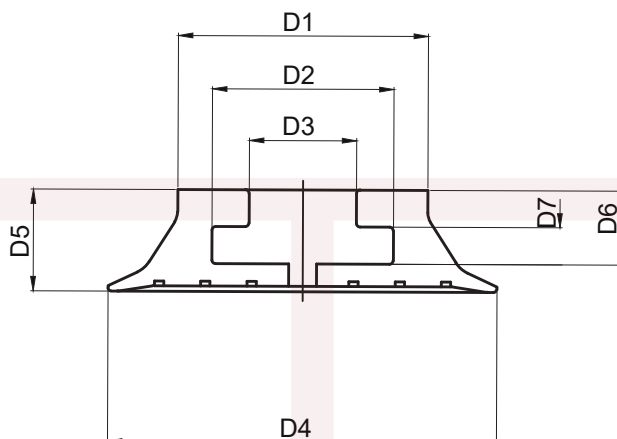
69 : 10^6 to 10^9 [Ω]

49 : 10^4 to 10^9 [Ω]

Blank: none

(5) Design number

DIMENSION (KÍCH THƯỚC)



Kích thước nấm	D1	D2	D3	D4	D5	D6	D7
Ø10	8.5	5.8	3.9	11	5.5	4	2
Ø15	8.5	5.9	3.9	16	5.5	4	2
Ø20	13.5	9.8	5.8	21	5.5	4	2
Ø25	15	9.8	5.8	26	5.5	4	2
Ø30	18	10	6	31	5.5	4	2

THANG LONG TECH CO., LTD

Office: 25-26-27 TT3, Kim Quan Thuong Street, Viet Hung ward, Long Bien District, Ha Noi, Viet Nam

Tel: +84-24-3-6230117/0118/0119

Email: tlt@thanglongtech.com.vn

Website: www.thanglongtech.com.vn